

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRƯỜNG TUẤN LINH

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CANH TÁC TRÊN ĐẤT DỐC Ở
HUYỆN MÙ CANG CHẢI- TỈNH YÊN BÁI

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Thái Nguyên, năm 2009

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRƯỜNG TUẤN LINH

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CANH TÁC TRÊN ĐẤT ĐỐC Ở
HUYỆN MÙ CANG CHẢI- TỈNH YÊN BÁI

Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp

Mã số: 60 - 31 - 10

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Trần Chí Thiện**

Thái Nguyên, năm 2009

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRƯỜNG TUẤN LINH

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CANH TÁC TRÊN ĐẤT ĐỐC Ở
HUYỆN MÙ CANG CHẢI- TỈNH YÊN BÁI

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

MÃ SỐ: 60- 31- 10

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Thái Nguyên, năm 2009

Công trình được hoàn thành tại:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

***Người hướng dẫn khoa học:* PGS. TS TRẦN CHÍ THIỆN**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn họp tại:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2009.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại Trung tâm Học liệu- Đại học Thái Nguyên
và Thư viện Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu, đặc biệt và không thể thay thế được trong sản xuất nông nghiệp. Thật vậy, ngành nông nghiệp không thể sản xuất nếu không có đất đai. Đất đai được gọi là tư liệu sản xuất đặc biệt vì nó vừa là đối tượng lao động, vừa là tư liệu lao động. Đất đai là đối tượng lao động vì nó chịu sự tác động của con người trong quá trình canh tác. Đất đai là tư liệu lao động vì nó phát huy tác dụng như một công cụ lao động. Con người dùng đất đai để trồng cây và chăn nuôi tạo ra thu nhập. Như vậy sẽ không có sản xuất nông nghiệp nếu không có đất, và chỉ có thông qua đất, các tư liệu sản xuất mới tác động đến cây trồng. Sử dụng đất đai đúng hướng còn quyết định đến hiệu quả của sản xuất.[40]

Theo Dữ liệu năm 2005 của Dự án Dân số thế giới của Liên hợp quốc, thì hiện nay tổng diện tích đất trên toàn thế giới là 134.682.000km², với dân số gần 7 tỷ người và mật độ dân số là 48 người/km². Diện tích đất đưa vào sản xuất trồng trọt vẫn chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích đất tự nhiên. Tuy vậy trong nhiều thập kỷ qua đất vẫn phải tạo ra một khối lượng sản phẩm lớn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của gần 7 tỷ người. Và hàng năm một tỷ lệ dân số lớn khoảng 10% vẫn đang trong tình trạng thiếu ăn hoặc bị nạn đói đe dọa, nhất là ở các quốc gia đang phát triển ở Châu Phi và Châu Á.

Việt Nam với diện tích tự nhiên là 331.689 km² xếp thứ 55 trong tổng số hơn 200 nước trên thế giới. Nhưng với dân số lớn khoảng 87 triệu người (thứ 12) và mật độ dân số đông 254 người/km² (thứ 46) nên bình quân đất tự nhiên theo đầu người thấp, chỉ khoảng 0,48ha/người, bằng 1/6 mức bình quân thế giới.

Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá đã làm cho diện tích đất nông nghiệp giảm đi nhanh chóng. Đặc biệt là những diện tích có điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

Đất đồi núi (phần lớn là đất dốc) chiếm 3/4 diện tích đất tự nhiên của Việt Nam. Do thiếu đất sản xuất nên nông dân miền núi vẫn phải canh tác trên đất có độ dốc cao, dẫn đến việc đất bị xói mòn rất mạnh và năng suất cây trồng giảm nhanh. Kết quả là đất bị thoái hoá, năng suất cây trồng thấp nên cuộc sống của nông dân rất thấp và bấp bênh. Hiện tượng du canh du cư còn phổ biến. Mặc dù còn nhiều trở ngại, vùng đất dốc có rất nhiều tiềm năng phát triển và có vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển và tồn tại của loài người, nhất là khi hiệu ứng nhà kính thể hiện rõ ảnh hưởng của nó, tức là khi mực nước biển dâng cao và có thể nhấn chìm những vùng châu thổ rộng lớn. Đó là chưa nói đến chức năng điều hoà khí hậu mà các vùng đồi núi chiếm vị trí quan trọng nhất.

Ở Việt Nam, trong điều kiện đô thị hoá, công nghiệp hoá diễn ra mạnh mẽ, diện tích đất nông nghiệp có xu hướng ngày càng giảm, để đảm bảo được việc cung cấp lương thực cho khu vực miền núi phía Bắc, đòi hỏi khu vực này phải phát triển sản xuất lương thực ngày càng cao.

Mù Cang Chải là một huyện miền núi khó khăn, hẻo lánh của tỉnh Yên Bái, đại bộ phận dân chúng là người Mông. Trong những năm gần đây đời sống của bà con dân âm no, đầy đủ đó là một phần nhờ vào hiệu quả của quá trình canh tác hợp lý trên đất dốc của đồng bào. Ở Việt Nam tuy đã có rất nhiều nghiên cứu về canh tác trên đất dốc nhưng cũng chưa có một công trình nào nghiên cứu sâu về canh tác trên đất dốc ở huyện Mùa Cang Chải. Vì vậy, nghiên cứu đề tài “ ***Đánh giá hiệu quả canh tác trên đất dốc ở huyện Mùa Cang Chải-tỉnh Yên Bái***” là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cho mục tiêu phát triển

kinh tế nói chung, phát triển nông nghiệp miền núi trung du trên cơ sở phát huy lợi thế của vùng nói riêng.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

2.1 Mục tiêu chung

Đề tài nhằm chỉ ra mô hình canh tác trên đất dốc tối ưu, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội cho huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái nói riêng và các khu vực trong cả nước có cùng điều kiện nói chung.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hoá được lý luận và thực tiễn về canh tác trên đất dốc.
- Đánh giá được thực trạng và hiệu quả canh tác bền vững trên đất dốc của người dân huyện Mù Cang Chải.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, cũng như nhân rộng mô hình canh tác hiệu quả trên đất dốc cho huyện Mù Cang Chải.

3. Đối tượng nghiên cứu

Kết quả canh tác trên đất dốc của các hộ gia đình trên địa bàn huyện Mù Cang Chải – Yên Bái

4. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian: Đề tài giới hạn nghiên cứu tại huyện Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái. Địa điểm nghiên cứu là tại hai xã La Pán Tẩn và xã Chế Cu Nha, nơi có đặc điểm đại diện và điển hình nhất cho phương thức canh tác hợp lý trên đất dốc của huyện Mù Cang Chải, cũng như của vùng núi phía Bắc Việt Nam.

- Phạm vi về thời gian: Đề tài nghiên cứu số liệu thứ cấp qua 03 năm 2006 – 2008 ; thu thập số liệu sơ cấp năm 2008.

- Phạm vi nội dung nghiên cứu: Phân tích, đánh giá hiện trạng hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường đồng thời đề tài còn nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các phương thức canh tác trên đất dốc ở huyện Mù Cang Chải- tỉnh Yên Bái.

5. Bố cục của luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu và kết luận gồm có 03 chương:

Chương 1: Tổng quan tài liệu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Chương 2: Thực trạng canh tác trên đất dốc ở huyện Mù Cang Chải- tỉnh Yên Bái

Chương 3: Một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế trên đất dốc huyện Mù Cang Chải- tỉnh Yên Bái

Chương 1

TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1 Cơ sở khoa học của đề tài

1.1.1. Cơ sở lý luận của đề tài

1.1.1.1 Tổng quan về đất dốc và canh tác bền vững trên đất dốc

a) Khái niệm về đất dốc

Đất dốc là tất cả các loại đất có độ dốc từ 1° trở lên. Do đó, đất dốc thường chịu tác động của các hiện tượng xói mòn rửa trôi, dẫn đến sự thoái hoá đất, làm đất nghèo kiệt về dinh dưỡng, về cấu trúc, giảm độ pH, tăng hàm lượng các chất gây độc hại cho đất và làm cho đất bị chết về sinh học. Hầu hết diện tích đất dốc bị thoái hoá và bị chua, nhiều diện tích bị bỏ hoang hoá vì mất khả năng sản xuất nông lâm nghiệp. Đây thực sự là điều khó khăn để tạo ra một nền nông nghiệp bền vững trên đất dốc [17].

b) Canh tác bền vững trên đất dốc

Canh tác bền vững trên đất dốc là phương thức lựa chọn và bố trí các loại cây trồng sao cho hiệu quả kinh tế thu được từ mô hình là cao nhất và ổn định qua nhiều năm (www.khuyennongvn.gov.vn).

* Tính bền vững trong quản lý sử dụng đất dốc

Từ lâu những người làm nông nghiệp đã hiểu rằng môi trường sống lâu dài của con người tùy thuộc rất nhiều vào việc giữ gìn, quản lý đất, nước và dinh dưỡng địa quyền vì nó rất có hạn. Thật vậy, đất bị xói mòn, diện tích canh tác ngày càng thu hẹp do quá trình công nghiệp hoá, chất lượng đất (độ phì nhiêu) giảm dần không chỉ tước mất cơ hội kiếm sống của người nông dân mà còn đe dọa cuộc sống của toàn xã hội về lương thực và thực phẩm.

Tác động phụ thuộc qua lại của môi trường tự nhiên và xã hội chi phối quản lý sử dụng đất bền vững. Khái niệm tính bền vững của một hệ thống quản lý sử dụng đất rộng lớn hơn là bền vững về độ phì nhiêu, nó bao gồm 3 phương diện: bền vững về kinh tế, sự chấp nhận của xã hội và bền vững về môi trường.

Trong lịch sử canh tác đất đã từng có 3 hệ thống được công nhận có sức sản xuất ổn định tuy mức hiệu quả có khác nhau, đó là:

Hệ luân phiên cây trồng bỏ hóa một vụ

Hệ chăn thả gia súc luân phiên

Hệ canh tác lúa nước.

Các hệ thống này tồn tại khá lâu và được xem như là một mô hình sản xuất trong điều kiện đòi hỏi mức đầu tư thấp, hưởng lợi thấp và điều kiện tự nhiên (đất, nước...) còn dồi dào.

Nhưng ngày nay với những biến đổi lớn lao trên toàn cầu, khu vực, mỗi quốc gia thậm chí từng địa phương thì các hệ canh tác đó không thể tồn tại bền vững ở khắp nơi như xưa nữa. Ở các vùng núi cao, nếu chỉ xét đơn thuần về mặt kinh tế trên đơn vị diện tích thì không có hệ thống cây trồng nào sinh lợi bằng trồng cây thuốc phiện. Tuy nhiên hiệu quả kinh tế cao không thôi rõ ràng không thể tồn tại được trước áp lực xã hội đòi hỏi loại trừ căn nguyên làm huỷ hoại sức khỏe con người.

Từ đó ta có thể thấy rằng tính bền vững của sử dụng đất phải được xem xét đồng bộ các mặt kinh tế - xã hội và môi trường.

Ở cấp thực địa đồng ruộng thì “một hệ thống canh tác được coi là bền vững” khi nó không ngừng thoả mãn các nhu cầu của người dân mà không làm thoái hoá nền dự trữ cơ bản của họ.